TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:117/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2022
V/v: Ly hôn giữa chị B và anh Q.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ, ông Nguyễn Tiến Chỉnh.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà*:* Ông Lê Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp " Ly hôn, con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022.

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B**,** sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: SN 401/12b Đường Tuệ Tĩnh, phường Nguyễn Trãi, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Sư Đoàn 306, TT Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 12/7/2022 và trong các lời khai chị Nguyễn Thị B là nguyên đơn trình bày: Chị kết hôn với anh Bùi Văn Q năm 2011 trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cộng Hòa huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương cưới xong anh chị về chung sống với nhau ngay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng thời gian đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung cuộc sống không có hạnh Phúc. Chị và anh Q đã sống ly thân từ 2020 đến nay không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 1 con chung Bùi Q N, sinh năm 2013 chị đề nghị được nuôi con chung. Cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu Nam từ nhỏ đến nay do 1 tay chị chăm sóc cháu vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường. Chị hiện nay là quân nhân cấp bậc thiếu tá chuyên nghiệp lương tháng 13 triệu đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn Q trình bày trong biên bản lấy lời khai: Việc chị B trình bày với Tòa án về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và về con chung là hoàn toàn đúng. Do đặc thù công việc nên anh và chị B thường xuyên sống xa nhau nên tình cảm phai nhạt.

Năm 2022 chị B có vay mượn tiền để ăn chơi anh có khuyên nhủ chị B nhiều lần nhưng chị B không nghe. Nay chị B yêu cầu được ly hôn anh không nhất trí ly hôn và mong muốn được về đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị có 1 con Bùi Q N, sinh năm 2013 vì đặc thù công việc anh thường xuyên xa nhà nên anh để chị B nuôi con. Cấp dưỡng nuôi con anh và chị B tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết vì vợ chồng không có tài sản gì chung.

Tại phiên tòa hôm nay anh Bùi Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quyền và nghĩa vụ của mình bị đơn không chấp hành nghiêm chỉnh.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều Điều 147; Điều 227; 228; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Bùi Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi con Bùi Q N, sinh năm 2013. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh Q được quyền thăm nom con chung, chị B không được cản trở anh thực hiện quyền này.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

[1] *Về tố tụng*: Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị B và các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức nội dung đơn khởi kiện. Anh Q đàng công tác tại Sư đoàn 306, TT Đồi

Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Do đó Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về phía anh Q tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh có đơn xin vắng mặt vì vậy. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, HĐXX đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung*: Chị Nguyễn Thị B kết hôn với anh Bùi Văn Q năm 2011 trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Cưới xong anh chị về chung sống với nhau ngay và hòa thuận đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung vợ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không xây dựng hạnh phúc được với nhau, chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q, ý kiến của anh Q không nhất trí ly hôn nhưng xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trong mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị B được ly hôn anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Vợ chồng chị B anh Q có 01 con chung, Bùi Q N, sinh năm 2013. Hiện nay cháu đang ở với chị B cháu vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn phía chị B đề nghị được trực tiếp nuôi cháu. Phía anh Q cũng đồng ý để chị B nuôi con. Xét thấy yêu cầu, nguyện vọng của chị B là chính đáng và cũng tại biên bản ghi lời khai của cháu Nam cũng có nguyện vọng ở với chị B nên cần giao cho chị B trực tiếp nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự. Cấp dưỡng nuôi con các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Xét thấy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn anh Q được quyền thăm nom con chung, chị B không được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

[4] *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác:* Chị B anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị B phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Bùi Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi con Bùi Q N, sinh năm 2013. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh Q được quyền thăm nom con chung, chị B không được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp tại chi

cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 21/3/2022 theo biên lai thu số 0013913.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

N¬i nhËn:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND phường Cộng Hòa, huyện Nam Sách, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lự